TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-10-2022.

V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên; ông Nguyễn Tùng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2022 về "Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thế A, sinh năm 1976

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1979

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Anh A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là anh Phạm Thế A trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Đặng Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2004 tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, đến năm 2018 vợ chồng ly thân, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị T.

Anh và chị T có 02 con chung là Phạm Thế D, sinh ngày 07/10/2005 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 07/6/2011. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thế D, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tuấn K; anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Anh là lái xe tải (lái thuê), mỗi tháng chủ xe trả 9.000.000 đồng tiền lương, anh có chỗ ở, anh có đủ điều kiện để nuôi con. Còn chị T là công nhân của Công ty may V, thu nhập của chị T thế nào anh không biết, chị T cũng có đủ điều kiện để nuôi con.

Anh và chị T tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là chị Đặng Thị T trình bày:

Về điều kiện và thủ tục kết hôn giữa chị và anh A như anh A đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chị bị anh A đánh và đuổi đi. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, tuy nhiên, chị không đồng ý ly hôn nhưng nếu anh A quyết tâm ly hôn thì chị đồng ý.

Chị và anh A có 02 con chung là Phạm Thế D, sinh ngày 07/10/2005 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 07/6/2011, hiện nay con D ở cùng anh A, con K ở cùng chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, anh A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng chị nhất trí.

Hiện tại chị đang là công nhân tại Công ty cổ phần may xuất khẩu V, thu nhập bình quân từ 6.500.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Phạm Thế A và chị Đặng Thị T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T nghi ngờ anh A khi đi làm có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến vợ chồng ly thân. Anh A xin ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh A và chị T có 02 con chung như anh A đã trình bày, việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, đảm bảo quyền lợi cho con, phù hợp quy định của pháp luật. Về tài sản chung của anh A và chị T thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Tại phiên tòa, chị T không đồng ý ly hôn, chị muốn đoàn tụ nhưng chị chưa có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm với anh Anh. Chị đồng ý với đề nghị của anh A về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này, khi cần chị sẽ khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng sau.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Thế A được ly hôn chị Đặng Thị T.

+ Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của anh A và chị T: Giao cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Phạm Thế D, sinh ngày 07/10/2005; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tuấn K, sinh ngày 07/6/2011; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T 3.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là anh Phạm Thế A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Đặng Thị T có mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Thế A và chị Đặng Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế và chị T nghi ngờ anh A có quan hệ tình cảm với người khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân mấy năm nay nay, hiện tại mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh A xin ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ nhưng chị T không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm với anh A. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh A và chị T ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Phạm Thế A được ly hôn chị Đặng Thị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nuôi con chung: Anh A và chị T có có 02 con chung là Phạm Thế D, sinh ngày 07/10/2005 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 07/6/2011, hiện nay con D ở cùng anh A, con K ở cùng chị T. Ly hôn, anh A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thế Dt, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tuấn K, anh A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T 3.000.000đ/tháng. Chị T đồng ý với đề nghị của anh A. Việc thỏa thuận của của anh A và chị T là tự nguyện, không trái luật và đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh A và chị T về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phạm Thế A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; 203; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Thế A được ly hôn chị Đặng Thị T.

2. Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Thế A và chị Đặng Thị T: Giao cho anh Phạm Thế A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thế D, sinh ngày 07/10/2005; giao cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 07/6/2011; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh A, anh A tự nguyện cấp cấp dưỡng nuôi con cho chị T 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh A và chị T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Thế A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, chuyển số tiền 300.000 đồng anh A đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001692 ngày 25/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí, anh Phạm Thế A còn phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/10/2022. Anh Phạm Thế A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã B, huyện K (nơi ĐKKH);
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái